TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-7- 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Cầm Ngọc Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Trang và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà *:* Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H; Nơi cư trú: Bản V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C); Nơi cư trú: Bản V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Y, huyện P, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2022 và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C) tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 12/12/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh C nghiện hút ma túy, không có trách nhiệm với gia đình, mặc dù chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh Nguyễn Đức C hiện đang chấp hành án tại trại giam Y, huyện P. Đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa

án giải quyết cho được ly hôn anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/6/1998 và cháu Nguyễn Danh N, sinh ngày 28/7/2010. Hiện tại cháu Nguyễn Thị H đã lập gia đình, còn cháu Nguyễn Danh N đang ở chung cùng với chị H, cư trú tại bản V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn Đức C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/7/2022 anh Nguyễn Đức C trình bày: Anh và chị Đỗ Thị H tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 12/12/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh C nghiện hút ma túy, bị xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy phải đi chấp hành án nên không thể quan tam chăm sóc gia đình, chị H có đơn yêu cầu ly hôn, anh C nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/6/1998 và cháu Nguyễn Danh N, sinh ngày 28/7/2010. Hiện tại cháu Nguyễn Thị H đã lập gia đình, còn cháu Nguyễn Danh N đang ở chung cùng với chị H, cư trú tại bản V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Anh C nhất trí giao cháu Nguyễn Danh N cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, do anh C đang chấp hành án nên không thể cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Do nguyên đơn chị Đỗ Thị H yêu cầu không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải, anh C đang chấp hành án không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do anh Nguyễn Đức C đang chấp hành án, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung thực hiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53,

57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C); giao cháu Nguyễn Danh N, sinh ngày 28/7/2010 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu, đề nghị của các đương sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" do nguyên đơn chị Đỗ Thị H khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C) có nơi cư trú bản V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C) đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng do đang chấp hành án, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng có lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C) theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C) tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 12/12/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh C nghiện hút ma túy, không có trách nhiệm với gia đình, mặc dù chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh Nguyễn Đức C hiện đang chấp hành án tại trại giam Y, huyện P. Đến nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh C, bản thân anh C cũng xác định không còn tình cảm với chị H, và nhất trí ly hôn với chị H. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H và anh C.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Đức C có hai con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/6/1998 và cháu Nguyễn Danh N, sinh ngày 28/7/2010. Hiện tại cháu Nguyễn Thị H đã lập gia đình, còn cháu Nguyễn Danh N đang ở chung cùng với chị H, cư trú tại bản V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Chị Đỗ Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Danh N, không yêu cầu

anh Nguyễn Đức C cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân anh C do đang chấp hành án phạt tù nên cũng nhất trí giao cháu Nguyễn Danh N cho chị Đỗ Thị H trưc tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo lợi ích mọi mặt của cháu Nguyễn Danh N, cần giao cháu Nguyễn Danh N cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh Nguyễn Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án.

[6] Về vay nợ chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Đức C xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì chị Đỗ Thị H là giáo viên dạy tại bản Suối C, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C).

2. Về con chung: Giao Nguyễn Danh N, sinh ngày 28/7/2010 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức C (Nguyễn Danh C) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/7/2022). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định chung của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Cầm Ngọc Thương